

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XCD

TÊN HỌC PHẦN: NHỮNG NLCB CỦA CN MAC LÊ 1
MÃ HỌC PHẦN: PHI - 161

HỌC KỲ 1
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 2

Ngày thi: 20/02/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10		20				55	100			
1	151214594	HỒ MINH ĐẠT	K16XCD1	0		0		0				LP	0.0	Khăng			
2	161215087	LÊ THANH BÌNH	K16XCD1	7		7		7				LP	0.0	Khăng			
3	161215090	TRƯƠNG VĂN CHÂU	K16XCD1	7		7		7				3	0.0	Khăng			
4	161215104	TRẦN MẠNH ĐỨC	K16XCD1	6		6		6				LP	0.0	Khăng			
5	161215108	NGÔ HOÀNG DUY	K16XCD1	7		6		6.5				LP	0.0	Khăng			
6	161215110	PHẠM GIANG	K16XCD1	5		6		6				LP	0.0	Khăng			
7	161215132	PHAN QUANG HUY	K16XCD1	6		6		5				LP	0.0	Khăng			
8	161215156	NGUYỄN QUỐC PHƯỚC	K16XCD1	6		6		6				LP	0.0	Khăng			
9	161215165	PHẠM ANH QUỐC	K16XCD1	5		6		6				LP	0.0	Khăng			
10	161215211	NGUYỄN VĂN TÙNG	K16XCD1	6		6		6				LP	0.0	Khăng			
11	161216731	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	K16XCD1	6		6		6				4	4.9	Bất pháp Chèn			
12	161217068	ĐẶNG BẢO KHIẾT	K16XCD1	5		6		6				1.5	0.0	Khăng			
13	161217213	ĐOÀN NGỌC THUẬN	K16XCD1	7		7		6.5				LP	0.0	Khăng			
14	161217216	NGUYỄN VIỆT VŨ	K16XCD1	6		6		6.5				3.5	0.0	Khăng			
15	161217314	TRẦN VĂN THƯƠNG	K16XCD1	6		6		6.5				4	5.0	Nằm			
16	161217327	ĐÀO TÂN DŨNG	K16XCD1	5		6		6				1	0.0	Khăng			
17	161217329	NGUYỄN CHÂU THÀNH	K16XCD1	5		6		6				LP	0.0	Khăng			
18	161217385	VŨ CHÍ TRUNG	K16XCD1	6		6		6				5	5.5	Nằm pháp Nằm			
19	161325816	NGUYỄN QUỐC VIỆT	K16XCD1	7		6		6.5				LP	0.0	Khăng			
20	162257255	TRẦN THANH HÙNG	K16XCD1	7		7		6.5				5	5.8	Nằm pháp Tầm			
21	162257349	PHAN NGỌC CƯƠNG	K16XCD1	7		7		6.5				3	0.0	Khăng			
22	161135889	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	K16XCD2	6		6		6				DC	0.0	Khăng			
23	161156424	NGÔ TẤN VŨ	K16XCD2	7		7		6.5				2	0.0	Khăng			
24	161156492	MAI VĂN NAM	K16XCD2	4		6		0				LP	0.0	Khăng			
25	161215080	TRẦN HÙNG ANH	K16XCD2	6		6		6				4	4.9	Bất pháp Chèn			
26	161215095	TRẦN NHẤT ĐẠO	K16XCD2	0		0		0				LP	0.0	Khăng			
27	161215097	TRỊNH QUỐC ĐẠT	K16XCD2	5		6		6				3	0.0	Khăng			
28	161215116	HÀ ĐẠI HIỆP	K16XCD2	6		6		6				4.5	5.2	Nằm pháp Hai			
29	161215126	HUỖNH KIM HÙNG	K16XCD2	6		7		6.5				LP	0.0	Khăng			
30	161215130	HỒ BẢO HUY	K16XCD2	7		7		7				LP	0.0	Khăng			
31	161215139	TRẦN VŨ LINH	K16XCD2	8		7		7.5				3.5	0.0	Khăng			
32	161215148	NGUYỄN QUANG NGUYỄN	K16XCD2	7		6		6				DC	0.0	Khăng			
33	161215150	TRẦN THANH NHÂN	K16XCD2	7		7		6.5				3	0.0	Khăng			
34	161215159	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	K16XCD2	7		6		6.5				DC	0.0	Khăng			
35	161215163	PHẠM HÀO QUANG	K16XCD2	6		6		6				LP	0.0	Khăng			
36	161215166	NGUYỄN MINH QUÝ	K16XCD2	0		0		0				LP	0.0	Khăng			
37	161215171	VÕ CÔNG SON	K16XCD2	7		6		7				LP	0.0	Khăng			
38	161215198	PHẠM TRẦN XUÂN TRUNG	K16XCD2	7		6		6.5				3	0.0	Khăng			
39	161215200	PHẠM KHẮC TRƯỜNG	K16XCD2	6		6		7				LP	0.0	Khăng			
40	161215204	NGUYỄN MINH TUẤN	K16XCD2	8		7		7.5				4.5	5.9	Nằm pháp Chèn			
41	161216562	NGUYỄN TIẾN HUY	K16XCD2	7		7		7				DC	0.0	Khăng			

Ngày thi: 20/02/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		10		20				55	100			
42	161216670	ĐINH QUANG CHỨC	K16XCD2	5		6		6				LP	0.0	Khăng		
43	161217067	HOÀNG MINH HẢI	K16XCD2	7		6		7				3	0.0	Khăng		
44	161217121	TRƯƠNG HOÀNG TRỌI HIẾU	K16XCD2	6		6		6				4	4.9	Bấu pháp Chèn		
45	161217127	ĐẶNG NGỌC TRUNG	K16XCD2	6		6		6.5				LP	0.0	Khăng		
46	161217287	LÊ TUẤN ANH	K16XCD2	6		6		6				LP	0.0	Khăng		
47	161135966	TRƯƠNG VĂN QUÝ	K16XCD3	8		7		7				LP	0.0	Khăng		
48	161215082	LÝ HIỀN ANH	K16XCD3	7		7		6.5				3.5	0.0	Khăng		
49	161215188	TRẦN VĂN THUỜNG	K16XCD3	6		6		6.5				LP	0.0	Khăng		
50	161216461	NGUYỄN CHUÔNG ĐÀI	K16XCD3	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
51	161216463	NGUYỄN ĐÌNH KHAN	K16XCD3	5		6		6				4	4.8	Bấu pháp Tầm		
52	161216561	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	K16XCD3	7		6		6.5				LP	0.0	Khăng		
53	161216563	NGUYỄN PHAN VĂN THÀNH	K16XCD3	5		7		6				5	5.4	Nằm pháp Bấu		
54	161216672	NGUYỄN CÔNG TIẾN	K16XCD3	7		6		7				LP	0.0	Khăng		
55	161216789	ĐẶNG QUỐC DŨNG	K16XCD3	6		6		5				4	4.7	Bấu pháp Báy		
56	161216856	PHẠM QUANG BAN	K16XCD3	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
57	161216858	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K16XCD3	7		7		7				6	6.5	Sầu pháp Nằm		
58	161217028	LƯU QUANG HUY	K16XCD3	7		7		6.5				4.5	5.5	Nằm pháp Nằm		
59	161217031	VÕ XUÂN TRUNG	K16XCD3	7		7		7				4	5.4	Nằm pháp Bấu		
60	161217032	TRỊNH HOÀN VŨ	K16XCD3	6		6		6.5				3	0.0	Khăng		
61	161217215	TRẦN HỮU TRÍ	K16XCD3	6		6		6.5				LP	0.0	Khăng		
62	161217382	NGUYỄN THANH HẢI	K16XCD3	5		6		6				4	4.8	Bấu pháp Tầm		
63	161217383	PHAN VĂN NGỌC	K16XCD3	5		6		6				LP	0.0	Khăng		
64	161217487	TRẦN CẢNH TRUỜNG	K16XCD3	6		6		6				4.5	5.2	Nằm pháp Hai		
65	161217540	NGUYỄN NGUYỄN THUẦN	K16XCD3	7		6		6.5				4	5.2	Nằm pháp Hai		
66	161217595	NGUYỄN NGỌC QUANG	K16XCD3	5		6		6				4	4.8	Bấu pháp Tầm		
67	161217626	NGÔ TẮT THỌ	K16XCD3	7		7		6.5				4.5	5.5	Nằm pháp Nằm		
68	161217644	ĐOÀN THANH DŨNG	K16XCD3	0		0		0				LP	0.0	Khăng		
69	161327399	TRƯƠNG QUANG THUẬN	K16XCD3	7		7		6.5				LP	0.0	Khăng		
70	161446058	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	K16XCD3	6		7		6.5				LP	0.0	Khăng		
71	161446169	ĐẬU QUỐC NAM	K16XCD3	7		7		6.5				6	6.4	Sầu pháp Bấu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	28%	
2	Số sinh viên nợ	51	72%	
TỔNG CỘNG :		71	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú